

Số: /QĐ-STC

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 289/UBND-KTN ngày 16/8/2025 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 7);

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-STC ngày 20/6/2025 của Sở Tài chính về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Quyết định số 120/QĐ-STC ngày 20/6/2025 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 của Văn phòng Sở Tài chính (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, kế toán cơ quan và Văn phòng Sở Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Tài chính-HCSN;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VT, VP_(pkh).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Giang

Đơn vị: Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
Chương: 418

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STC ngày / /2025 của Sở Tài chính)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán tăng/giảm	Văn phòng Sở
I	Dự toán chi NSNN	1.518.289.000	1.518.289.000
1	Chi quản lý hành chính	1.518.289.000	1.518.289.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-252.963.000	-252.963.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.771.252.000	1.771.252.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục	0	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	
3	Chi hoạt động kinh tế	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0